TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2017/HNGĐ-ST
Ngày 11-12-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển

Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 11 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 470/2017/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 363/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1972 (*có mặt*)

Địa chỉ: Ấp HD, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1977 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp HD, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Mai H chung sống với nhau vào năm 1992, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn.

- *Về nguyên nhân mâu thuẫn*: Do vợ chồng chung sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, từ đó xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nay ông C yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa ông và bà H.

- *Về nuôi con chung*: Trong quá trình chung sống, ông C và bà H có 01 người con chung tên Nguyễn Như Y, sinh năm 1992, hiện cháu Như Y đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về chia tài sản*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác và người khác nợ lại*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản hòa giải ngày 27/11/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị Mai H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Về thời gian chung sống, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như ông C trình bày là đúng. Nay ông C yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với bà thì bà đồng ý.

- *Về nuôi con chung*: Trong quá trình chung sống, bà với ông C có 01 người con chung tên Nguyễn Như Y, hiện cháu Như Y đã trưởng thành. Khi ly hôn, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về chia tài sản*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác và người khác nợ lại*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Vụ kiện giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, bị đơn bà Nguyễn Thị Mai H là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng*: Tại phiên hòa giải ngày 27/11/2017, bà Nguyễn Thị Mai H có ý kiến xin từ chối tham gia xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của ông C về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng*: Vào năm 1992, ông C và bà H chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Như vậy, theo điểm b mục 3 của Nghị Quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình và theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì mối quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà H không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do đó, ông C và bà H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] *Về nuôi con chung*: Trong quá trình chung sống, ông C với bà H có 01 người con chung tên Nguyễn Như Y, sinh năm 1992, hiện cháu Như Y đã trưởng thành. Khi ly hôn, ông C và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về chia tài sản và nợ*: Ông C và bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí hôn nhân và gia đình*:

- Bà H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Ông C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; Điều 35; Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Mai H là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Mai H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

- Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ, ngày 20/11/2017 ông C có nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ, biên lai số 0009356 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*đã ký*)

Trương Minh Thịnh